



受聘僱外國人健康檢查項目表

Giấy khám sức khỏe dành cho người nước ngoài làm việc tại Đài Loan

(國名、醫院名稱、地址、電話、傳真)

檢查日期 / Ngày kiểm tra

(Tên nước, tên bệnh viện, địa chỉ, số điện thoại, fax)

YYYY / MM / DD

類別 Loại hình ☐ 第二類 Loại 2 ☐ 外國技術人力 Nhân viên kỹ thuật nước ngoài

中文/越南文

基本資料 / Thông tin cơ bản

姓名 : Họ tên	性別 : ☐ 男 / Nam ☐ 女 / Nữ Giới tính	照 片 Ảnh
護照號碼 : Số hộ chiếu	國 籍 : Quốc tịch	
居留證號 : Số thẻ cư trú	出生年月日 : YYYY / MM / DD Ngày sinh	
工作縣市別 Thành phố/Huyện : (Nơi làm việc tại Đài Loan)	手 機 : _____ Số điện thoại di động 住 家 : _____ Số điện thoại nhà	

在中華民國健檢種類 / Thẻ loại khám sức khỏe tại Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan):

- ☐ 入國後 3 日內 / Trong vòng 3 ngày sau khi nhập cảnh ☐ 境內聘僱 / Tuyển dụng tại Đài Loan
☐ 補充 / Bổ sung ☐ 定期(6、18、30 個月) / Định kỳ (6,18,30 tháng)

病 史 / Tiền sử bệnh

曾罹患的疾病 / Từng mắc bệnh gì : _____

身 體 檢 查 / Khám sức khỏe

身高 / Chiều cao : _____ cms	頭頸部 / Đầu và cổ : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
體重 / Cân nặng : _____ kgs	胸部 / Ngực : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
血壓 / Huyết áp : _____ / _____ mmHg	心臟聽診 / Nghe tim : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
脈搏 / Mạch : _____ beats/min	腹部 / Bụng : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
體溫 / Thân nhiệt : _____ °C	體肢運動 / Chuyển động cơ thể : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
視力 / Thị lực : 右 / Phải _____ 左 / Trái _____	精神狀態 / Trạng thái tinh thần : ☐ 正常 / Bình thường ☐ 異常 / Khác thường _____
其他 / Trái : _____	

實 驗 室 檢 查 / Kiểm tra trong phòng thí nghiệm

A. 胸部 X 光肺結核檢查 / Xét nghiệm bệnh lao X-quang ngực :
X 光發現 / X-quang phát hiện : _____
判定 / Kết quả :
☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 疑似肺結核 / Nghi ngờ mắc bệnh lao ☐ 無法確認診斷 / Không thể xác nhận chuẩn đoán ☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu

B. 梅毒血清檢查 / Xét nghiệm huyết thanh bệnh giang mai :
檢驗 / Kiểm tra :
a. ☐ RPR ☐ VDRL
☐ 陽性 / Dương tính, 效價 / Hiệu giá _____ ☐ 陰性 / Âm tính, 效價 / Hiệu giá _____
b. ☐ TPHA ☐ TPPA ☐ FTA-abs ☐ TPLA ☐ EIA ☐ CIA
☐ 陽性 / Dương tính, 效價 / Hiệu giá _____ ☐ 陰性 / Âm tính, 效價 / Hiệu giá _____
c. ☐ 其他 Khác _____ ☐ 陽性 / Dương tính, 效價 / Hiệu giá _____
☐ 陰性 / Âm tính, 效價 / Hiệu giá _____
d. ☐ 定期健檢及補充健檢得免驗/越語翻譯 Khám sức khỏe định kỳ và khám bổ sung được miễn xét nghiệm
判定 / Kết quả : ☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu

C. 腸內寄生蟲糞便檢查 / Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột :

- ☐ 陽性 / Dương tính, tên loài _____ ☐ 陰性 / Âm tính
判定 / Kết quả : ☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu
☐ 外國技術人力來自中央衛生主管機關公告之特定國家、地區得免驗 / Nhân viên kỹ thuật nước ngoài đến từ các quốc gia và khu vực cụ thể do cơ quan y tế trung ương công bố được miễn kiểm tra

D. 麻疹及德國麻疹之抗體陽性檢驗報告或預防接種證明 / Báo cáo xét nghiệm dương tính với kháng thể sởi và Rubella hoặc giấy chứng nhận tiêm chủng :

- a. 抗體檢查 / Xét nghiệm kháng thể
麻疹抗體 / Kháng thể sởi ☐ 陽性 / Dương tính ☐ 陰性 / Âm tính ☐ 未確定 / Chưa xác định
德國麻疹抗體 / Kháng thể Rubella ☐ 陽性 / Dương tính ☐ 陰性 / Âm tính ☐ 未確定 / Chưa xác định
- b. 預防接種證明 / Chứng nhận tiêm chủng (證明應包含接種日期、接種院所及疫苗批號；接種日期與出國日期應至少間隔兩週 / Giấy chứng nhận phải bao gồm ngày tiêm chủng, cơ sở tiêm chủng và số lô vắc xin; ngày tiêm chủng và ngày xuất ngoại phải cách nhau ít nhất hai tuần)
☐ 麻疹預防接種證明 / Giấy chứng nhận tiêm phòng sởi
☐ 德國麻疹預防接種證明 / Giấy chứng nhận tiêm phòng Rubella
- c. ☐ 有接種禁忌，暫不適宜預防接種 / Có chống chỉ định tiêm chủng, tạm thời không phù hợp tiêm chủng.
- d. ☐ 入國後 3 日內、定期健檢、補充健檢或曾依受聘僱外國人健康檢查管理辦法辦理本項檢查且結果合格者得免驗 / Trong vòng 3 ngày sau khi nhập cảnh, khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe bổ sung, hoặc đã kiểm tra theo Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe đối với người nước ngoài đang làm việc tại Đài Loan và kết quả đạt yêu cầu thì sẽ được miễn kiểm tra.

漢生病檢查 / Kiểm tra bệnh phong

全身皮膚視診結果 / Kết quả kiểm tra da toàn thân

- ☐ 正常 / Bình thường
☐ 異常 / Không bình thường : ☐ 非漢生病 / Không phải bệnh phong : _____
☐ 疑似漢生病須進一步檢查 / Nghi mắc bệnh phong cần phải xét nghiệm thêm
a. 病理切片 / Sinh thiết bệnh học : _____
b. 皮膚抹片 / Phết da : ☐ 陽性 / Dương tính ☐ 陰性 / Âm tính
c. 皮膚病灶合併感覺喪失或神經腫大 / Tổn thương da liên quan đến mất cảm giác hoặc phì đại dây thần kinh : ☐ 有 / Có ☐ 無 / Không có
- 判定 / Kết quả :
☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 須進一步檢查 / Cần kiểm tra thêm ☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu
☐ 外國技術人力來自中央衛生主管機關公告之特定國家、地區得免驗 / Nhân viên kỹ thuật nước ngoài đến từ các quốc gia và khu vực cụ thể do cơ quan y tế trung ương công bố được miễn kiểm tra

健康檢查總結果 / Tổng kết quả của cuộc khám sức khỏe

- ☐ 合格 / Đạt yêu cầu ☐ 須進一步檢查 / Cần kiểm tra thêm ☐ 不合格 / Không đạt yêu cầu

負責醫檢師簽章 / Chữ ký và đóng dấu của giám định y khoa có trách nhiệm : _____

負責醫師簽章 / Chữ ký và đóng dấu của bác sĩ chịu trách nhiệm : _____

醫院負責人簽章 / Chữ ký và đóng dấu của người phụ trách bệnh viện : _____

日期 / Ngày tháng năm : YYYY / MM / DD

備註 / Lưu ý : 本證明三個月內有效 / Giấy chứng nhận này có giá trị trong ba tháng.

提醒一 / Nhắc nhở 1 :

入國後 3 日內健檢、境內聘僱健檢、定期健檢及補充健檢結果為須進一步檢查或不合格者，得依「受聘僱外國人健康檢查管理辦法」第 8 條至第 10 條規定治療或再檢查；未依規定者，將因健檢不合格，廢止其聘僱許可。Nếu kết quả khám sức khỏe trong vòng ba ngày sau khi nhập cảnh, khám sức khỏe khi được tuyển dụng tại Đài Loan, khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe bổ sung, là cần phải kiểm tra thêm hoặc không đạt yêu cầu, thì theo quy định tại Điều 8 đến Điều 10 của “Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe đối với người nước ngoài đang làm việc tại Đài Loan” phải tiếp nhận điều trị hoặc tái khám, nếu không tuân thủ quy định sẽ bị thu hồi giấy phép lao động vì lý do sức khỏe không đạt yêu cầu.

提醒二 / Nhắc nhở 2 :

雇主應於收受指定醫院依「受聘僱外國人健康檢查管理辦法」核發之健康檢查證明後，送交該外國人留存。Sau khi nhận được giấy chứng nhận khám sức khỏe do bệnh viện được chỉ định cấp theo "Quy định về khám sức khỏe cho người lao động nước ngoài", chủ sử dụng lao động phải giao giấy chứng nhận đó cho người lao động nước ngoài.

附錄 愛滋篩檢與治療費用通知書

(請健檢醫院將此通知書併同健康檢查證明發給受檢者)

- 一、 中華民國政府已修改法規，取消非本國籍人類免疫缺乏病毒(HIV)感染者之入境、停留及居留限制，也取消此項健康檢查項目。
- 二、 由於非本國籍人士在中華民國治療 HIV 感染之費用，中華民國政府不提供補助，每年治療費用約為新臺幣二十萬元(約美金七千元)，建議非本國籍人士先於母國接受 HIV 篩檢，了解自身健康狀況；如為 HIV 感染者，建議留在母國接受治療。欲來中華民國工作者，請先行購買醫療保險，以免造成個人財務負擔。
- 三、 外籍人士進入中華民國後，可自行至醫院進行 HIV 篩檢，了解自身感染狀況，傳染病諮詢電話為 0800-001922。

Phụ lục Giấy thông báo chi phí xét nghiệm và điều trị HIV

(Đề nghị bệnh viện khi cấp Báo cáo khám sức khỏe thì cấp kèm Giấy thông báo này)

1. Chính phủ Đài Loan đã sửa đổi pháp lệnh, hủy bỏ quy định hạn chế nhập cảnh, tạm trú và cư trú đối với người nước ngoài bị Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV), và cũng hủy bỏ hạng mục xét nghiệm này trong quy định khám sức khỏe.
2. Do Chính phủ Đài Loan không trợ cấp chi phí điều trị HIV tại Đài Loan cho người nước ngoài, mà chi phí điều trị mỗi năm khoảng 200 ngàn Đài tệ (khoảng 7 ngàn Đô la Mỹ), nên kiến nghị người nước ngoài, trước khi đến Đài Loan hãy tiến hành xét nghiệm HIV ở nước mình để nắm bắt tình hình sức khỏe của bản thân; nếu bị nhiễm HIV, kiến nghị hãy ở lại nước mình để điều trị. Đối với người dự định đến Đài Loan làm việc, kiến nghị hãy mua Bảo hiểm Sức khỏe trước, nhằm tránh gánh nặng tài chính cho bản thân.
3. Người nước ngoài sau khi đến Đài Loan có thể tự đến bệnh viện xét nghiệm HIV để nắm bắt tình hình nhiễm bệnh của mình, số điện thoại tư vấn bệnh truyền nhiễm tại địa bàn Đài Loan là: 0800-001922.